



CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH  
DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

Địa chỉ: 1251 Quốc lộ 14, Thị xã Đông Xoài, Tỉnh Bình Phước

Điện thoại: ( 0651) 388. 9034 - Fax: (0651) 388. 9032



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CÔNG TY CP  
SXKD DƯỢC VÀ TTB Y TẾ VIỆT MỸ  
NĂM 2014

NĂM 2014



## MỤC LỤC

<b>I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>3</b>
1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	3
2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý công ty.....	3
3. Quá trình phát triển.....	6
4.. Định hướng phát triển.....	7
<b>II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>8</b>
1. Hoạt động của Hội đồng quản trị.....	8
2. Nhận xét chung.....	9
3. Phương hướng hoạt động năm 2015.....	10
<b>III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC</b> .....	<b>10</b>
1. Báo cáo tình hình tài chính.....	10
2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.....	11
3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2015.....	12
<b>IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH</b> .....	<b>12</b>
<b>V. BÀN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN</b> .13	
<b>VI.. HỆ THỐNG KHÁCH HÀNG CỦA CÔNG TY</b> .....	<b>14</b>
<b>VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ</b> .....	<b>15</b>
1. Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong Ban điều hành.....	15
2. Quyền lợi của Ban Giám đốc.....	22
3.. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	22
4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....	23
<b>VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY</b> .....	<b>23</b>
1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên.....	23
2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông.....	23

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

## CÔNG TY CP SXKD DƯỢC VÀ TTB Y TẾ VIỆT MỸ

### Năm 2014

- Tên Công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC VÀ TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ
- Tên tiếng anh: AMERICAN VIETNAMESE BIOTECH INCORPORATION
- Tên viết tắt: AMVIBIOTECH INC
- Trụ sở chính: Ấp 2, xã Tiên Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước
- Điện thoại: (84-651) 3889 034
- Fax: (84-651) 3889 032
- VPDD: A30 – A31 đường D1 KDC Tân Hải Minh, Phường Linh Tây, Quận. Thủ Đức, TP. HCM
- Điện thoại: (84-8) 629 089 14
- Fax: (84-8) 629 089 14
- Website: [www.AMVIBIOTECH.com](http://www.AMVIBIOTECH.com)
- Email: [amvibiotechinc@gmail.com](mailto:amvibiotechinc@gmail.com)
- Biểu tượng:



## I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

### 1. Lịch sử hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược và Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ được thành lập năm 2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/8/2002. Công ty được thành lập bởi 3 cổ đông sáng lập là Công ty TNHH SX-TM TTB Y tế Mặt Trời (The Sun Co.), Công ty Dược Vật tư Y tế Bình Phước (nay là Công ty Cổ phần Dược Vật tư Y tế Dopharco) và Công ty Xuất Nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incommex Saigon) với số vốn điều lệ ban đầu là 15 tỷ đồng.

Năm 2003, Công ty bắt đầu thực hiện xây dựng nhà máy với diện tích 1.500 m<sup>2</sup> trên Khuôn viên gần 2.500 m<sup>2</sup> tại thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước, nhận chuyển giao công nghệ và nhập khẩu máy móc thiết bị, tổ chức tuyển và huấn luyện cán bộ công nhân viên, sản xuất thử, xin đăng ký lưu hành sản phẩm... Đến cuối năm 2004, nhà máy cơ bản được hoàn thành và sẵn sàng đi vào hoạt động.

Tháng 7/2005, nhà máy của Công ty đã được Bộ Y tế thẩm định kỹ thuật và cấp giấy phép đủ điều kiện sản xuất vacxin – sinh phẩm y tế. Tháng 8/2005, Công ty bắt đầu thực hiện sản xuất kinh doanh và đưa sản phẩm ra thị trường. Mặc dù là Công ty mới, sản phẩm chưa được thị trường biết đến, cùng lúc phải cạnh tranh với các mặt hàng ngoại nhập có chất lượng cao như Abbott, Bio Rad (Mỹ) và các mặt hàng giá rẻ được nhập khẩu từ Trung Quốc, tuy nhiên, với sự nỗ lực của toàn thể CBCNV trong nhà máy, cùng sự hỗ trợ trong việc tìm kiếm thị trường của The Sun Co., doanh thu trong năm 2005 – năm đầu tiên chính thức hoạt động kinh doanh của Công ty đã đạt 3,2 tỷ đồng.

Năm 2006, Công ty đã thiết lập được hệ thống phân phối trên cả 3 khu vực Bắc, Trung, Nam thông qua các tổng đại lý của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng đã kết hợp với các trường đại học, sở y tế các tỉnh như: Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai, Long An, Hậu Giang, Vũng Tàu, Bắc Giang, Tuyên Quang,... tổ chức các buổi hội thảo về đề tài “Sinh phẩm chẩn đoán nhanh” nhằm giới thiệu các sản phẩm của AMVIBIOTECH. Công ty còn kết hợp với các bệnh viện và trung tâm y tế nghiên cứu các đề tài khoa học: “Nghiên cứu về sinh phẩm chẩn đoán HIV”; “Nghiên cứu về sinh phẩm chẩn đoán bệnh lao và chẩn đoán Viêm gan B”. Việc xét nghiệm thực hiện tại các buổi hội thảo, các đề tài nghiên cứu đều cho kết quả chính xác. Doanh thu năm 2006 đạt 4,3 tỷ đồng, tăng 31% so với năm 2005.

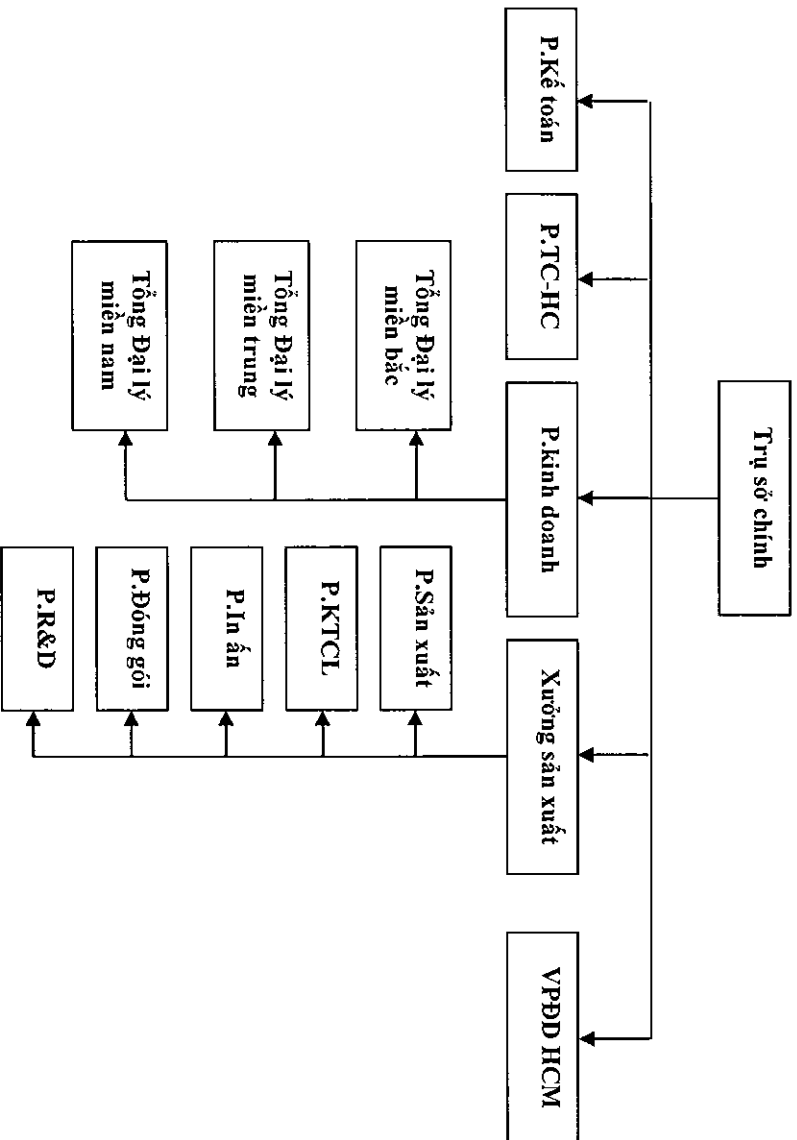
Năm 2007, Công ty duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu ở mức 27% với tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu là 19%.

Tháng 4/2007, Công ty tiến hành phát hành cổ phiếu theo hình thức phát hành riêng lẻ cho Cán bộ công nhân viên của Công ty và Nhà đầu tư chiến lược (là đối tác kinh doanh của Công ty) tăng vốn điều lệ của Công ty lên 21 tỷ đồng.

## 2. Cơ cấu tổ chức và bộ máy quản lý Công ty

### 2.1. Cơ cấu tổ chức Công ty

**Sơ đồ cơ cấu tổ chức Công ty**



Trụ sở chính của công ty tọa lạc tại Ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước. Đây là cơ quan đầu não của Công ty, xưởng sản xuất chính của Công ty hiện đang tiến hành sản xuất tại đây. Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban cụ thể như sau:

**Phòng Kế toán**

- Xây dựng kế hoạch tài chính ngắn và dài hạn nhằm đảm bảo nguồn vốn phù hợp cho sản xuất kinh doanh và tái đầu tư.
- Hỗ trợ Phòng Kinh doanh trong việc thống kê doanh số và thanh toán.
- Tổng hợp thông tin, phân tích và lập báo cáo kế toán cho Giám đốc tham khảo và ra quyết định hoạt động kinh doanh.

**Phòng Tổ chức Hành chính**

- Tuyển dụng nhân viên mới, gửi nhân viên đi đào tạo tại các khóa học.
- Quyết định mức lương thưởng, xét duyệt nghỉ phép.
- Tổ chức nhân và soạn thảo công văn, hồ sơ xin phép đăng ký sản phẩm, tổ chức các Hội thảo giới thiệu về sản phẩm.

**Phòng Kinh doanh**

- Quản lý toàn bộ kênh phân phối và hệ thống các tổng đại lý trên toàn quốc, hỗ trợ các đại lý thực hiện marketing cho sản phẩm và đầu thầu bán sản phẩm vào các cơ sở y tế của Nhà Nước.
- Dự báo nhu cầu sản phẩm, đề xuất chính sách kinh doanh phù hợp với tình hình thị trường.

**Xưởng sản xuất**

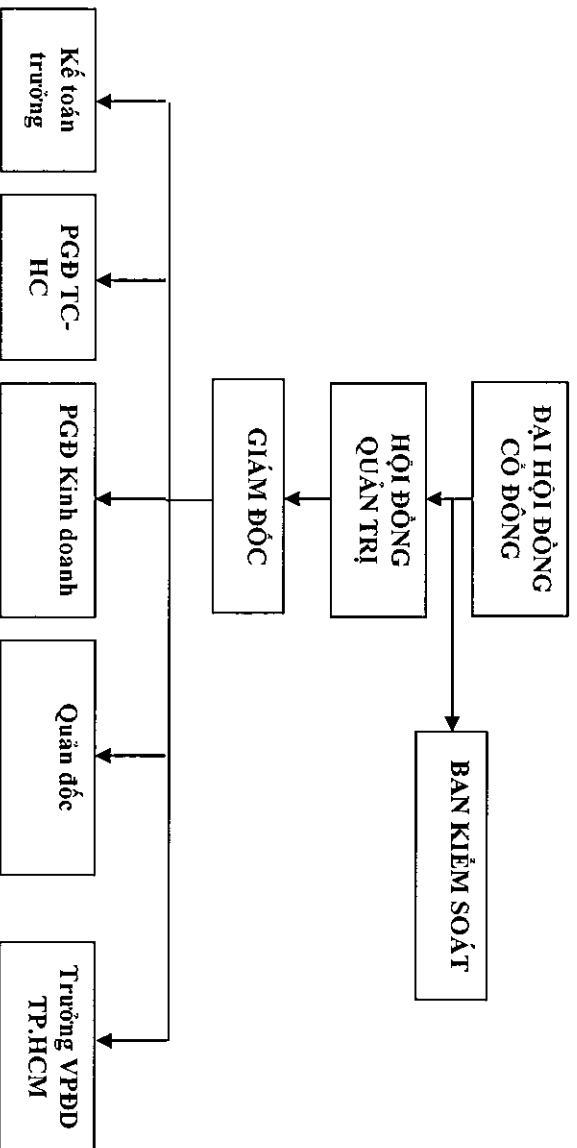
Xường sản xuất gồm các phòng sau đây

- Phòng sản xuất: Trực tiếp theo dõi điều hành việc sản xuất của nhà máy.
- Phòng Kiểm tra chất lượng: Triển khai, thực hiện, giám sát hoạt động kiểm tra chất lượng và đảm bảo chất lượng của sản phẩm của Công ty. Thiết lập, thực hiện kế hoạch hiệu chuẩn và bảo quản các thiết bị kiểm tra chất lượng.
- Phòng In ấn: Thiết kế mẫu bao bì, đặt khuôn in và đặt hàng bao bì. Điều hành và tổ chức in ấn bao bì sản phẩm.
- Phòng Đóng gói: Đóng gói sản phẩm vào thùng, vào hộp và bảo quản sản phẩm.
- Phòng R&D: Thực hiện các công tác nghiên cứu và phát triển nhằm khảo sát nhu cầu, đưa ra các sản phẩm mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đẩy mạnh cạnh tranh với các hãng khác.

**Các văn phòng đại diện**

Nhằm tăng cường sự hiện diện của Công ty rộng khắp cả nước. Công ty đã mở văn phòng đại diện tại thành phố Hồ Chí Minh, Sắp tới, Công ty sẽ mở các văn phòng tại các khu vực khác trên toàn quốc. Các văn phòng đại diện này có trách nhiệm thu nhận các đơn đặt hàng, là địa điểm phân phối sản phẩm của Công ty, hỗ trợ bộ phận kinh doanh trong việc mở rộng các đại lý.

**2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty**



**Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm 1 lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 4 tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng cổ đông có trách nhiệm thảo luận và phê chuẩn những chính sách dài hạn và ngắn hạn về phát triển của Công ty, quyết định về cơ cấu vốn, bầu ra bộ máy quản lý và điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Công ty gồm ít nhất 05 thành viên và nhiều nhất là 11 người. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có nhiệm vụ quyết định chiến lược phát triển Công ty; xây dựng các kế hoạch sản xuất kinh doanh; xây dựng cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý Công ty; đưa ra các biện pháp, các quyết định nhằm đạt được các mục tiêu do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

**Ban kiểm soát**

Số lượng thành viên Ban kiểm soát phải có từ 3 đến 5 thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Ban kiểm soát là cơ quan có nhiệm vụ giúp Đại hội đồng cổ đông giám sát, đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty một cách khách quan nhằm đảm bảo lợi ích cho các cổ đông.

**Giám đốc**

Giám đốc là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về toàn bộ việc tổ chức sản xuất kinh doanh, thực hiện các biện pháp nhằm đạt được các mục tiêu phát triển của Công ty.

**Các cán bộ quản lý khác**

Với từng nhiệm vụ vai trò của mình, các cán bộ quản lý cấp dưới giúp Giám đốc Công ty theo dõi thực hiện nhiệm vụ của từng phòng ban cụ thể. Các cán bộ quản lý khác cụ thể như sau:

- Kế toán trưởng: Do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, Kế toán trưởng là người đứng đầu, là người chịu trách nhiệm theo dõi, quản lý phòng kế toán. Có trách nhiệm hoàn thiện hệ thống sổ sách chứng từ của Công ty, lập ra và tư vấn chiến lược cho Hội đồng quản trị và Giám đốc về các quyết định tài chính.
- Phó Giám đốc các phòng ban: Gồm Phó Giám đốc tổ chức hành chính, Phó Giám đốc kinh doanh chịu trách nhiệm theo dõi và thực hiện các công việc thuộc chức năng nhiệm vụ của phòng mình.
- Quản đốc: Chịu trách nhiệm theo dõi phân xưởng sản xuất, phân công nhiệm vụ và giải quyết các vấn đề tại phân xưởng. Chịu trách nhiệm trước Giám đốc các toàn bộ các vấn đề phát sinh tại phân xưởng.

**3. Quá trình phát triển**

**Ngành nghề kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3800237998 (Mã số cũ 44.03.000012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/10/2012, Công ty được kinh doanh các ngành nghề sau:

- ✓ Kinh doanh được phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hóa chất xét nghiệm y tế;
- ✓ Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế;
- ✓ Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế;
- ✓ Đại lý ký gởi hàng hóa;
- ✓ Kinh doanh địa ốc;

- ✓ Đầu tư tài chính;
- ✓ Chuyển giao công nghệ;

**Tình hình hoạt động công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ**

**Trong năm 2014:**

- Hoàn tất dự án thiết kế, nâng cấp xây dựng nhà máy sản xuất đạt tiêu chuẩn WHO GMP, ISO 13485.
- Tiếp tục duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh trong thời gian xây dựng nâng cấp nhà máy. Duy trì đời sống ổn định của CB CNV.
- Hoàn tất thủ tục giải thể công ty con: Công ty TNHH Sinh Học Việt Mỹ tại Khu Công Nghệ Cao.
- Thành lập công ty liên kết: Công ty CP Thương Mại Việt Mỹ Sài Gòn tỷ lệ góp vốn 30.23% trong tổng số vốn điều lệ là 8,6 tỷ VNĐ.

**4. Định hướng phát triển**

• **Định hướng năm 2015**

Duy Trì và Phát Triển hoạt động Sản Xuất Kinh Doanh, khai thác tối đa công suất cơ sở vật chất hiện có, quay nhanh chu chuyển dòng vốn, giảm chi phí tài chính, đảm bảo công ăn việc làm và cải thiện thu nhập tiền lương cho người lao động; giữ vững tư tưởng chính trị nội bộ ổn định.

**1. Sản Xuất:**

- Tăng cường sản xuất và xin Đăng Ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Rapid Tests,
- Tăng cường sản xuất và xin Đăng Ký lưu hành thêm 05 mặt hàng Tests định lượng ELISA
- Tăng cường sản xuất và xin Đăng Ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Home Tests (Test thử tại nhà)
- Trang bị thêm máy móc thiết bị sản xuất.

**2. Kinh Doanh:**

- Mở rộng hệ thống phân phối toàn quốc.
- Tăng cường quảng bá thương hiệu sản phẩm.
- Tổ chức mạng lưới đầu thầu các dự án quốc gia, các bệnh viện, TT y tế.

Tăng cường công tác chuẩn bị mọi mặt để tập trung lực cho những năm tiếp theo;

Củng cố và phát triển nguồn nhân lực, cải tiến chính sách nhân sự về tiền lương, thưởng, phúc lợi, chế độ làm việc.... Tổ chức tuyển dụng nhân sự mới có chất lượng để bổ sung, đáp ứng nhu cầu vận hành sản xuất đối với Nhà máy Dược. Đẩy mạnh công tác đào tạo và tái đào tạo về kỹ năng nghề nghiệp cho cán bộ công nhân, nâng cao kỹ năng quản trị cho các cấp điều hành quản lý, nâng cao kỹ năng marketing, kỹ thuật công nghệ sản xuất;

Lấy mục tiêu giảm giá thành sản xuất làm thước đo hoạt động. Ngay từ đầu năm tổ chức sắp xếp hoạt động các đơn vị sản xuất về tổ chức nhân sự, cơ cấu sản phẩm, phân khúc thị trường, khách hàng mục tiêu...

Xem xét các khoản đầu tư cốt lõi nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả cho điều kiện cơ sở vật chất hiện có đáp ứng khẩn cấp nhu cầu kinh doanh;



Giữ vững thị trường, duy trì sự ổn định và tăng trưởng về sản lượng, doanh thu để bù đắp sự gia tăng của chi phí đầu vào do ảnh hưởng của lạm phát, lãi suất tiền vay nhằm đảm bảo lợi nhuận Công ty không bị giảm sút;

Chọn lọc phương án khả thi trình phê duyệt phát hành thêm cổ phần để tăng vốn Điều lệ và tổ chức thực hiện huy động khi được duyệt bổ sung vốn kinh doanh, đảm bảo cơ cấu vốn phù hợp tạo điều kiện đề Công ty phát triển bền vững; đổi mới có hiệu quả tình hình lạm phát và bất ổn tài chính, tiền tệ trong nước.

## II. BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### 1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Bách Mộng Hà	CT HĐQT	2	100%	
2	Bà Hoàng Oanh	TV HĐQT	2	100%	
3	Bà Lê Thị Thu Hà	TV HĐQT	2	100%	
4	Ông Bùi Khắc Hào	TV HĐQT	2	100%	
5	Bà Nguyễn Tuấn Huyền	TV HĐQT	2	100%	

Ngoài các cuộc họp định kỳ, các thành viên HĐQT thường xuyên trao đổi thông tin, tham vấn các vấn đề quan trọng trong việc điều hành hoạt động của Công ty qua điện thoại và Email với Ban Giám Đốc.

Hoạt động của các tiêu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có tiêu ban

### Công tác lãnh đạo

Trên cơ sở Nghị quyết được thông qua tại Đại Hội Đồng Cổ đông thường niên năm 2014, HĐQT đã bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh 2014, tổ chức chỉ đạo Ban điều hành Công ty ứng phó với những biến động bất thường tình hình kinh tế trong nước và thế giới ảnh hưởng bởi đại suy thoái kinh tế toàn cầu, hạn chế tối đa những tác động tiêu cực tới các mặt hoạt động Công ty, kịp thời điều chỉnh thích ứng xu thế mới, duy trì ổn định các mặt hoạt động đưa Công ty vượt qua những khó khăn thách thức... thể hiện qua các mặt cụ thể:

#### a. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2014:

Tổng doanh thu đạt: 4.172 tỷ đồng;

Lợi nhuận sau thuế đạt: (9.204.031.240) đồng;

Tỷ trọng Lợi nhuận sau thuế/ Tổng doanh thu: (220,576) %

Các nghị quyết của Hội đồng quản trị:

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	0104-2014	28/04/2014	Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014
02	0105-2014	19/05/2014	Nghị quyết hội đồng quản trị Phương án phát hành cổ phiếu riêng lẻ

## Công tác giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Việc cung cấp thông tin, báo cáo cho thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện thường xuyên và đầy đủ, phục vụ kịp thời công tác chỉ đạo, giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành; các thành viên đã nỗ lực làm việc để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- HĐQT trực tiếp bàn bạc, chỉ đạo và góp ý với Ban giám đốc đề nghị những biện pháp cụ thể để tháo gỡ những khó khăn trong nhiều lĩnh vực hoạt động của Công ty;
- Qua quá trình giám sát, Hội đồng quản trị nhận thấy Ban điều hành triển khai hiệu đầy đủ các nghị quyết của Hội đồng quản trị, kịp thời thông tin báo cáo và điều chỉnh tiến trình thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu của Hội đồng quản trị.

## 2. Nhận xét chung

### Kết quả đạt được

- Tập thể CB-CNV tư tưởng ổn định, an tâm gắn bó với Công ty, siêng năng tận tụy với công việc;
- Hội đồng quản trị và Ban điều hành tâm huyết với trọng trách được giao, thể hiện được vai trò trách nhiệm trong lãnh đạo, điều hành;
- Công ty luôn nhận được sự quan tâm hỗ trợ của các tổ chức tài chính tín dụng, các đối tác kinh doanh...

### Tồn tại hạn chế

- Năm 2014 Công ty thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đạt thấp, do việc sản xuất kinh doanh cầm chừng song song với việc xây dựng nâng cấp nhà máy. Vì chưa đạt tiêu chuẩn WHO GMP nên không có khả năng đầu thầu tại các bệnh viện trong nước.
- Dự án đầu tư nâng cấp nhà máy hoàn thành chậm so với dự kiến kế hoạch làm ảnh hưởng lớn đến kế hoạch doanh thu và lợi nhuận.
- Mặc dù định mức chi phí sản xuất được tiết giảm khá tốt trong năm qua, nhưng trong năm 2015 cần quyết liệt thực hiện đồng bộ các giải pháp tối đa chi phí sản xuất để gia tăng khả năng cạnh tranh trong bối cảnh giá cả chi phí đầu vào biến động.
- Cơ cấu vốn, quản lý vốn mặc dù có cải thiện hơn năm 2013, nhưng chưa thật sự cân đối phù hợp làm gia tăng áp lực nặng nề lên các mặt hoạt động kinh doanh.
- Tình hình kinh tế trong nước nói chung có nhiều biến động, tác động tiêu cực đến các mặt hoạt động của Công ty; biến động giá cả đầu vào lớn, làm tăng giá thành sản xuất, hạn chế hiệu quả kinh doanh.

**3. Phương hướng hoạt động năm 2015**

Ngay sau khi có Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên vào tháng 3 năm 2015, Hội đồng quản trị cam kết trước Đại hội đồng cổ đông sẽ thực thi quyền hạn và nhiệm vụ của mình theo đúng quy định, Điều lệ Công ty một cách khẩn cần và trung thực, cố gắng hoàn thành nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao để đảm bảo cho sự phát triển của Công ty cũng như đảm bảo quyền lợi của tất cả các cổ đông và nhà đầu tư.

Thực hiện Quy chế Quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán để hoàn thiện hơn công tác Quản trị Công ty.

Tổ chức tốt các phiên họp thường kỳ ít nhất mỗi quý một lần để bàn bạc, thảo luận, điều chỉnh và thông qua các báo cáo, kế hoạch của Ban Giám đốc.

Giám sát chặt chẽ và kịp thời chỉ đạo kiến quyết chấn chỉnh các hoạt động của Ban Giám đốc trong việc triển khai và tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015.

**III. BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

**1. Báo cáo tình hình tài chính**

**a. Giá trị số sách**

Giá trị số sách tại thời điểm 31/12/2014 là 5.577 đồng/cổ phần.

**b. Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp**

Không có.

**c. Tổng số cổ phiếu theo từng loại**

- Cổ phiếu phổ thông: 2.115.750 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

**d. Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại**

- Trái phiếu có thể chuyển đổi: Không có
- Trái phiếu không thể chuyển đổi: Không có

**e. Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại**

- Cổ phiếu phổ thông: 2.115.750 cổ phần (Mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)
- Cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phần

**f. Số lượng cổ phiếu dự trữ, cổ phiếu quỹ**

Không có.

**g. Cổ tức lợi nhuận đã chia**

Do lợi nhuận sau thuế trong năm 2014 bị âm nên công ty không chia cổ tức, lợi nhuận.

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2014		Năm 2013	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	4.172.714.450	7.740.903.709		
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	4.172.714.450	7.740.903.709		
4. Giá vốn hàng bán	11	4.361.282.599	5.449.016.139		
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20	(188.568.149)	2.291.887.570		
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	4.792.636	6.697.197		
7. Chi phí tài chính	22	4.488.801.954	322.891.911		
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	302.557.523	307.467.642		
8. Chi phí bán hàng	24	212.638.011	219.321.875		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.707.408.980	1.633.958.486		
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	(7.592.624.458)	122.412.495		
11. Thu nhập khác	31	2.916.406.167	1.347.000.000		
12. Chi phí khác	32	4.438.021.304	1.324.696.474		
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	(1.521.615.137)	22.303.526		
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(9.204.031.240)	144.716.021		
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	(9.204.031.240)	144.716.021		
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(4.465)	68		

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất 2014

**3. Kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015**

**a. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

Căn cứ kết quả đã đạt được trong những năm vừa qua, với thực lực hiện có của Công ty cùng với việc xem xét đánh giá những yếu tố thuận lợi, khó khăn sắp tới. Công ty xây dựng một số chỉ tiêu kế hoạch chính năm 2015 như sau:

Trong năm 2014 Công ty đã hoàn tất đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất đạt chuẩn GMP WHO tại 1251 QL 14, TX, Đồng Xoài, Bình Phước.

- Sản phẩm tăng khoảng 1,5 lần so với năm trước. Lên kế hoạch đăng ký lưu hành thêm 10 mặt hàng Rapid Tests. Tăng cường sản xuất và xin đăng ký lưu hành thêm 05 mặt hàng Tests định lượng ELISA, 10 mặt hàng Home Tests ( Test thử tại nhà)
- Tăng cường Marketing, Mở rộng hệ thống đại lý phân phối toàn quốc.
- Tăng cường quảng bá thương hiệu sản phẩm.
- Tăng cường mạng lưới đầu thầu các dự án Quốc tế, dự án quốc gia, các bệnh viện, Trung tâm y tế.

**b. Giải pháp thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh 2015:**

- Giám sát và triển khai thực hiện việc quản lý Công ty theo quy định Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ đã ban hành.
- Nghiên cứu các biện pháp huy động vốn nhằm cơ cấu nguồn vốn và sử dụng hiệu quả vốn để giảm tỷ trọng nợ phải trả, tránh sự phụ thuộc quá nhiều vào vốn vay cụ thể như phát hành thêm cổ phiếu, chính sách chi trả cổ tức hợp lý vừa đảm bảo lợi ích của cổ đông vừa đảm bảo vốn tích lũy cho Công ty để đầu tư phát triển... nhằm tăng năng lực tài chính cho Công ty.
- Quản lý tài chính minh bạch, công khai. Thanh toán đầy đủ, đúng hạn các khoản nợ vay đảm bảo uy tín với các tổ chức tín dụng, các nhà thầu; Quản lý chặt chẽ công nợ; Thường xuyên theo dõi, đánh giá tình hình tài chính của từng dự án để có biện pháp cân đối tài chính thích hợp.

**IV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các báo cáo tài chính năm 2014 đã được kiểm toán được đính kèm báo cáo này.

V. **BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ BÁO CÁO KIỂM TOÁN**  
**KIỂM TOÁN HỢP NHẤT (AASCS)**

**Kính gửi:** - Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc và các cổ đông  
Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (“công ty”) và công ty liên kết (Công ty cổ phần Thương Mại Việt Mỹ Sài Gòn) được lập ngày 10 tháng 01 năm 2015 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được trình bày từ trang 04 đến trang 28 kèm theo.

**Trách nhiệm của Hội Đồng Quản Trị Và Ban Giám Đốc đối với các báo cáo tài chính hợp nhất.**

Hội đồng quản trị và ban giám đốc công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà hội đồng quản trị và ban giám đốc công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất không sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của kiểm toán viên:**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán việt nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong các báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của nhóm công ty liên quan đến việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của cả chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của hội đồng quản trị và ban giám đốc công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, các Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ và công ty liên kết (Công ty cổ phần thương mại việt mỹ Sài Gòn) tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

*TP.Hồ Chí Minh, ngày 03 tháng 02 năm 2015*  
**Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính**  
**Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam**  
Tổng Giám đốc

(Đã ký)

Kiểm toán viên

(Đã ký)

**BỘ KHÁC THANH**  
Số giấy CN ĐK HNK.T: 0064-2013-142-01

**TÀ QUANG TẠO**  
Số giấy CN ĐK HNK.T: 0055-2013-142-01  
Trang 13

**VI. HỆ THỐNG KHÁCH HÀNG CỦA CÔNG TY**

**Hệ thống các đại lý của AMVIBIOTECH**

STT	Tên tổng đại lý	Địa chỉ
<b>I. Khu vực Miền Nam</b>		
1	Công ty TNHH Dược Phẩm Hoàng Nguyên	103/22 Điện Cao Thế, P. Tân Sơn Nhì, Q. Tân Phú, TP. HCM
2	Công ty TNHH TB Y Tế Thiên Nam	163/13/4 Đường Thống Nhất, P. 11, Q. Gò Vấp, TP. HCM
3	Công Ty TNHH TM Dược phẩm Chánh Nam	Số 22, Đường 266 Bùi Minh Trực, P. 6, Q. 8, TP. HCM
4	Công ty TNHH Thương Mại Dược Phẩm Dương Minh	90/31 Đường An Nhơn, Phường 17, Q. Gò Vấp, TP HCM
<b>II. Khu vực Miền Trung</b>		
1	Công ty TNHH TBVTYT & KHKT Tam Nguyên	228 Thanh Thủy, Q. Hải Châu, Tp. Đà Nẵng
<b>III. Khu vực Miền Bắc</b>		
1	Công ty CP Thương mại Thiên Vũ	120 Hoàng Quốc Việt, Cầu Giấy, Hà Nội
2	Công Ty TNHH MEDICO Việt Nam	32 Nguyễn Công Trứ, P. Phúc La, Hà Đông, Hà Nội.
3	Đại lý phân phối hàng OEM và các chương trình quốc gia	

*Nguồn: AMVIBIOTECH*

Với hệ thống các tổng đại lý hiện nay ở cả 3 miền, sản phẩm của Công ty đã được phân phối rộng khắp các tỉnh thành thông qua các đại lý cấp 2, cấp 3 và các nhà thuốc bán lẻ.

Để khuyến khích các tổng đại lý trong việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm, Công ty có những chính sách chiết khấu giảm giá dựa trên doanh số bán hàng. Ngoài ra trong một số trường hợp cần thiết, các tổng đại lý còn nhận được sự hỗ trợ khác của Công ty trong việc tổ chức hội nghị khách hàng và một số chi phí khác trong việc thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm.

Trong chiến lược phân phối sản phẩm thời gian tới, Công ty sẽ tiếp tục tìm kiếm các tổ chức có thị trường lớn làm tổng đại lý cho những sản phẩm mới của Công ty nhằm mở rộng kênh phân phối, mặt khác hạn chế được các xung đột về mặt lợi ích giữa các tổng đại lý.

• **Các trung tâm y tế, bệnh viện**

Xuất phát từ đặc tính của sản phẩm, việc đưa sản phẩm của Công ty vào các trung tâm y tế và bệnh viện rất có ý nghĩa đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đặc biệt đối với các sản phẩm như Test HIV, Test viêm gan B thì đây là kênh phân phối duy nhất do các sản phẩm này chỉ được phép sử dụng bởi các tổ chức có chuyên môn. Công ty đã khai thác tối đa các mối quan hệ sẵn có và kết hợp những người có quan hệ sâu rộng trong lĩnh vực y tế tham gia làm công tác viên nhằm đưa sản phẩm của Công ty vào thị trường này. Hiện nay, có trên 25 trung tâm y tế và bệnh viện là khách

hàng thường xuyên của Công ty như: Sở y tế Tp.HCM, Trung tâm Y tế Dự phòng Tp.HCM, Bệnh viện Nhiệt Đới, Bệnh viện Lao, Bệnh viện Triều An (Tp.HCM) ...

- Các chương trình quốc gia và các tổ chức phi chính phủ

Ngoài các kênh phân phối nêu trên, Công ty còn cung cấp sản phẩm trực tiếp cho các chương trình dự án lớn của quốc gia và các tổ chức thế giới hỗ trợ Việt Nam về y tế như: Dự án phòng chống HIV của quốc gia, và đặc biệt là trong thời gian vừa qua, Công ty đã có những hợp đồng đầu tiên với Tổ chức DKT Quốc tế tại Việt Nam, là một tổ chức phi chính phủ, có hệ thống phân phối sản phẩm trên 10.000 nhà thuốc bán lẻ trên toàn quốc.

## VII. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

### 1. Tóm tắt lý lịch của cá nhân trong Ban điều hành

#### 1.1. Hội đồng quản trị

##### 1.1.1 Ông Bách Mộng Hà – Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc

Giới tính	Nam	Quốc quán	Hà Nội
Ngày sinh	11/11/1946	Địa chỉ thường trú	2702N Berkley St, Orange CA, 92865 - USA
Nơi sinh	Hà Nội	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Mỹ	Trình độ văn hóa	Sau Đại Học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Tiến Sĩ Khoa Học (CSULB USA)

#### *Quá trình công tác*

- 1978 – 2000: Khoa học gia, Chuyên viên kỹ thuật cao (MTS) của Hughes Air Craft, hợp đồng làm việc cho bộ quốc phòng Mỹ.
- 2000 – 2002: Công tác tại Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co.).
- 2002 – nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc AMVIBIOTECH

Chức vụ hiện nay	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Hội đồng thành viên The Sun Co.
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 30/01/2014	156.960 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	Vợ: Hoàng Oanh: 117.000 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không



Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

### 1.1.2 Bà Hoàng Oanh – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nữ	Quê quán	Quảng Bình
Ngày sinh	21/02/1973	Địa chỉ thường trú	Số 2 Đường 2, P. Phước Bình, Q.9, Tp.HCM.
Nơi sinh	Quảng Ninh	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản lý kinh tế

#### Quá trình công tác

- Năm 1997 - năm 2000: Quản Lý Doanh Nghiệp Tư Nhân Làng Vãn.
- Năm 2000 - nay: Công tác tại Công ty TNHH SXTM Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co), Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH.

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH.
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 30/01/2014	117.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	Mẹ: Đoàn Thị Hưng: 3.000 cổ phần Chồng: Hà Mộng Bắc: 156.960 cổ phiếu
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

### 1.1.3 Bà Lê Thị Thu Hà – Thành viên HĐQT

Giới tính	Nữ	Quê quán	Thanh Hóa
Ngày sinh	1966	Địa chỉ thường trú	449 V6 Văn Tân, P.5 , Q.3 , Tp.HCM

Nơi sinh	Bắc Ninh	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kinh doanh

**Quá trình công tác**

- Tháng 09/2002 - tháng 03/2007: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị AMVIBIOTECH
- Tháng 04/2007 - nay: Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH, Phòng Kinh doanh.

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT, cố vấn kinh doanh AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phiếu/năm giữ đến thời điểm 30/01/2014	60.000 cổ phiếu
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

**1.1.4 Ông Bùi Khắc Hào – Thành viên HĐQT**

Giới tính	Nam	Quê quán	Hà Tĩnh
Ngày sinh	18/09/1970	Địa chỉ thường trú	45A Huyện Tĩnh Cửa, P. 8, Q. 3, TP. HCM
Nơi sinh	Hà Tĩnh	Số điện thoại cơ quan	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cư nhân kinh tế

**Quá trình công tác**

- Năm 2000 – 2002: công tác tại công ty TNHH BVQI của Pháp
- Năm 2002 – 2004: công tác tại tập đoàn DECATHLON
- Năm 2004 – 2012: Giám Đốc công ty Xây Dựng Nhật Hoa

▪ Năm 2012 – nay: thành viên HĐQT AMVIBIOTECH

Chức vụ hiện nay	Thành viên HĐQT AMVIBIOTECH	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không	
Số cổ phiếu nắm giữ đến thời điểm 30/01/2014	Không	
Số cổ phiếu của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	Không	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không	
Thù lao	-	
Các khoản lợi ích khác	Không	
Hành vi vi phạm pháp luật	Không	
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không	

**1.1.5 Bà Nguyễn Tuấn Huyền – Thành viên HĐQT**

Giới tính	Nữ	Quê quán	Hưng yên
Ngày sinh	07/04/1981	Địa chỉ thường trú	43 Nguyễn Thái Bình, P. 4, Tân Bình, TP. HCM
Nơi sinh	Hưng yên	Số điện thoại cơ quan	
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Quản lý Kinh tế

**Quá trình công tác.**

- 2006-2007: Ersnt & Young Vietnam
- 2007 – 2008: Bitexcoland
- 2009 – nay: Lan Cát Tường Ltd. Kiểm thành viên HĐQT công ty AmviBiotech

Chức vụ hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị	
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không	
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/01/2014	90 Cổ phiếu	
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	90 Cổ phiếu	
Các khoản nợ đối với Công ty	Không	

Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

## 1.2 Ban Giám đốc

### 1.2.1 Ông Bách Mộng Hà – Giám đốc

Xem mục 1.1.1

## 1.3 Ban Kiểm soát

### 1.3.1 Bà Hà Thị Thu Trang – Trưởng Ban kiểm soát

Giới tính	Nữ	Quê quán	Thanh Oai, Hà Tây
Ngày tháng năm sinh	22/10/1982	Địa chỉ thường trú	Thị trấn Kim Bài, Thanh Oai, Hà Tây
Nơi sinh	Hà Tây	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Kinh Doanh

#### **Quá trình công tác:**

- Tháng 11/2004 – Nay: công tác tại phòng Kinh doanh AMVIBIOTECH

Chức vụ hiện nay	Trưởng ban Kiểm Soát AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/01/2014	5.000 cổ phần
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

### 1.3.2 Bà Đặng Thị Giang – Thành viên BKS

Giới tính	Nữ	Quê quán	Nghệ An
-----------	----	----------	---------

Ngày sinh	24/05/1981	Địa chỉ thường trú	11 – Phố 5 - Ấp 3 – Phú Vinh – Định Quán – Đồng Nai
Nơi sinh	Nghệ An	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại Học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác**

- Năm 2003 – Nay: Công ty CP SXKD Dược & TTB Y tế Việt Mỹ

Chức vụ hiện nay	Nhân viên
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/01/2014	Không
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thủ lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

**1.3.3 Bà Trần Huệ Linh – Thành viên BKS**

Giới tính	Nữ	Quê quán	Quảng Đông (Trung Quốc)
Ngày tháng năm sinh	20/04/1958	Địa chỉ thường trú	TK 24A/12 Nguyễn Cảnh Chân, Q1, TP. HCM
Nơi sinh	TP. HCM	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	12/12
Dân tộc	Hoa	Trình độ chuyên môn	Thông dịch viên

**Quá trình công tác:**

- Năm 2002 – Năm 2005: Quản lý – Nhà máy Cao Minh – TP. HCM
- Năm 2006 – Năm 2007: Giáo viên trường Nhật Tân – TP. HCM
- Năm 2008 – Nay: Thông dịch viên Công ty CP SXKD Dược & TTB Y tế Việt Mỹ

Chức vụ hiện nay	Thông dịch viên
------------------	-----------------

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/01/2014	Không
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-
Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

**1.4 Kế toán trưởng: Ông Nguyễn Văn Vinh**

Giới tính	Nam	Quốc quán	Phù Mỹ, Bình Định
Ngày sinh	08/05/1962	Địa chỉ thường trú	20 Đường 11, KP 2, Trường Thọ, Thủ Đức, TP. HCM
Nơi sinh	Nam Định	Số điện thoại cơ quan	08 629 089 14
Quốc tịch	Việt Nam	Trình độ văn hóa	Đại Học
Dân tộc	Kinh	Trình độ chuyên môn	Cử nhân kinh tế

**Quá trình công tác**

- 1991 – 1999: Kế toán công ty xây dựng số 5
- 1999 - 2007: Kế toán công ty CP dầu khí và xây dựng số 9.
- 2007 – 2011: KTT công ty TNHH Trường Thịnh Phúc
- 2011 – nay: KTT công ty AMVI BIOTECH, Inc

Chức vụ hiện nay	Kế toán trưởng AMVIBIOTECH
Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác	Không
Số cổ phần nắm giữ đến thời điểm 30/01/2014	Không
Số cổ phần của những người có liên quan đến thời điểm 30/01/2014	Không
Các khoản nợ đối với Công ty	Không
Thù lao	-

Các khoản lợi ích khác	Không
Hành vi vi phạm pháp luật	Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty	Không

**2. Quyền lợi của Ban Giám đốc**

Tiền lương, thưởng của Ban Giám đốc và các quyền lợi khác của Ban Giám đốc được chi trả dựa trên Quy chế trả lương và các khoản chi khác của Công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ

**3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động**

**a. Số lượng cán bộ, nhân viên**

Hiện tại, số lượng cán bộ, nhân viên của Công ty Cổ phần SXKD Dược & TTB Y Tế Việt Mỹ là 35 người, trong đó có 27 nữ với kết cấu lao động như sau:

- Trình độ trên đại học: 2 người.
- Trình độ đại học: 7 người
- Trung cấp và cao đẳng: 9 người.
- Lao động phổ thông: 17 người.

**b. Chính sách với người lao động**

**Chế độ làm việc:**

Công ty thực hiện chế độ làm việc 8 giờ/ ngày và 44 giờ/ tuần.

**Chính sách lương:**

Ban lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến việc cải thiện đời sống của CB-CNV. Mức lương bình quân của CB-CNV Năm 2013 là 4.500.000đồng/người/tháng. Năm 2014 lương bình quân từ 5.000.000đồng/người/tháng.

Thời gian làm việc của nhân viên tại Công ty là 5,5 ngày/tuần. Lương của nhân viên văn phòng được tính theo thời gian làm việc và lương của nhân viên sản xuất được tính theo năng suất lao động.

**Chính sách khen thưởng:**

Chính sách thưởng Công ty đang thực hiện bao gồm thưởng định kỳ hàng năm và thưởng đột xuất: Việc xét và thưởng định kỳ của Công ty được thực hiện vào cuối năm, tháng lương thứ 13, mức thưởng của CBCNV cao hay thấp phụ thuộc vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và việc hoàn thành tốt công việc trong năm của cá nhân đó.

Việc thưởng đột xuất và biểu dương trước tập thể được Công ty thực hiện một cách kịp thời đối với các cá nhân có sáng kiến cải tiến kỹ thuật, năng cao năng suất lao động đề động viên và khuyến khích đối với người lao động có thành tích.

**Chính sách trợ cấp:**

Tất cả nhân viên của Công ty được đóng bảo hiểm đầy đủ theo quy định, bao gồm: như bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Công tác chăm sóc sức khỏe cho người lao động rất được Công ty quan

Ngoài ra, tại nhà máy của Công ty ở Bình Phước còn có nhà tập thể cho nhân viên gồm có 8 phòng sử dụng để bố trí chỗ ở công nhân viên có nhà ở xa. Hàng năm, Công ty đều tổ chức tham quan, họp mặt, nghỉ mát cho vào các dịp lễ nhằm động viên, nâng cao tinh thần đoàn kết của đội ngũ CBCNV trong Công ty.

Môi trường làm việc tại nhà máy là không khói bụi, không tiếng ồn thoáng mát, và nhân viên được trang bị bảo hộ lao động đầy đủ: Khẩu trang, găng tay, áo blouse trắng...

**Chính sách đào tạo:**

Ngoài tiền lương, tiền thưởng, người lao động ở AMVI còn được doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo, cử đi học đề nâng cao nghiệp vụ như trung cấp được, xét nghiệm máu, kế toán và những khóa học do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) tài trợ. Tùy theo nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, những nhân viên được cử đi học có thể được hưởng nguyên lương và được hỗ trợ tiền học phí trong thời gian học tập.

**4. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.**

Trong năm 2014, có sự thay đổi về thành viên hội đồng quản trị như sau:

Miễn nhiệm:

1. Ông Trương Văn Tích
2. Ông Nguyễn Quang Trung

Bổ nhiệm:

1. Ông Bùi Khắc Hào
2. Bà Nguyễn Tuấn Huyền

**VIII. THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY**

**1. Hội đồng quản trị/Chủ tịch và Ban kiểm soát/Kiểm soát viên**

**Danh sách Thành viên HĐQT:**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Bách Mông Hà	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
2.	Bà Hoàng Danh	Thành viên HĐQT
3.	Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên HĐQT
4.	Ông Bùi Khắc Hào	Thành viên HĐQT
5.	Bà Nguyễn Tuấn Huyền	Thành viên HĐQT

**Danh sách Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Bà Hà Thị Thu Trang	Trưởng BKS
2.	Bà Đặng Thị Giang	Thành viên BKS
3.	Bà Trần Huệ Linh	Thành viên BKS

**2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông**

**2. Các dữ liệu thông kê về cổ đông**

**Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân:**



Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Số lượng
<b>Cổ đông tổ chức</b>	<b>456.180</b>	<b>4.561.800.000</b>	<b>21,56</b>	<b>3</b>
Cổ đông trong nước	226.380	2.263.800.000	10,7	1
Cổ đông nước ngoài	229.800	2.298.000.000	10,86	2
<b>Cổ đông cá nhân</b>	<b>1.659.570</b>	<b>16.595.700.000</b>	<b>75,1</b>	<b>303</b>
Cổ đông trong nước	1.643.930	16.439.300.000	78,44	294
Cổ đông nước ngoài	15.640	156.400.000	0,74	9
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.115.750</b>	<b>21.157.500.000</b>	<b>100%</b>	<b>306</b>

Nguồn: AMVIBIOTECH

## 2.2. Cổ đông góp vốn sáng lập:

Theo Giấy chứng nhận ĐKKD số 3800237998 (Mã số cũ 44.03.000012) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp ngày 26/08/2002, đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 16/10/2012, danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

### Danh sách cổ đông sáng lập

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Thiết bị Y tế Mặt Trời (The Sun Co., Ltd)	449 Võ Văn Tần, P.5, Q.3, Tp.HCM	226.380	2.263.800.000	10,7
2	Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Sài Gòn (Incomex Saigon)	Số 27 Cao Thắng, P.2, Q.3, Tp.HCM	150.000	1.500.000.000	10
3	Bà Hoàng Oanh	Số 2 Tô 1, Đường Số 2, Phường Phước Bình, Quận 9, Tp.HCM	117.000	1.170.000.000	5,53
4	Ông Nguyễn Tiến Hưng	39, Đường 2, CX Bình Thới, P.8, Q.11, Tp. HCM	92.500	925.000.000	4,37
5	Bà Lê Thị Thu Hà	Số 222 C, Phường Đội Cấn, Quận Ba Đình, Hà Nội	48.000	480.000.000	2,27
<b>Tổng cộng</b>			<b>633.880</b>	<b>6.338.800.000</b>	<b>33,24</b>

Nguồn: AMVIBIOTECH

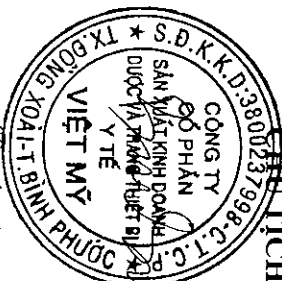
Báo cáo thường niên – năm 2014

CTCP SX KD DƯỢC & TTB Y TẾ VIỆT MỸ

IX. PHỤ LỤC:

Phụ lục: Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2014

CÔNG TY CP SXKD DƯỢC & TTB Y TẾ VIỆT MỸ  
CHỦ TỊCH HĐQT



*Handwritten signature*

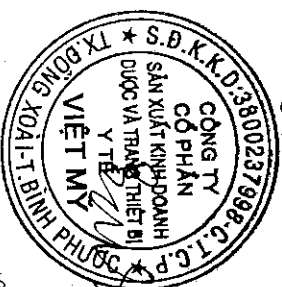
*Stoach Mong Hoa, PhD*

# CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH DƯỢC & TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VIỆT MỸ

Báo cáo Tài chính hợp nhất  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014  
đã được kiểm toán

Sao Y Bản Chính  
Ngày 26.1.2015.

GIÁM ĐỐC



*Bach Mong Hoa* PH.D



Được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN PHÍA NAM (AASCS)

## **MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
<b>BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b>	<b>01 - 02</b>
<b>BÁO CÁO KIỂM TOÀN ĐỘC LẬP</b>	<b>03 - 03</b>
<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÀN</b>	
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 07
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	08 - 08
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	09 - 10
- Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	11 - 28

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiên Thành, thị xã Đông Xoài, tỉnh Bình Phước.

Công ty có một công ty liên kết như sau:

Tên công ty: Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn

Địa chỉ: A30 - A31 đường D1, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, TP.HCM

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lỗ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 9.204.031.240 VND (Lãi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 144.716.021 VND).  
Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2014 là 10.919.788.583 VND (Lỗ lũy kế tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2013 là 1.715.757.343 VND).

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOẢ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Bách Mông Hà	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Trung	Thành viên
Ông Trương Văn Tích	Thành viên
Ông Bùi Khắc Hào	Thành viên
Bà Nguyễn Tuấn Huyền	Thành viên
Bà Hoàng Oanh	Thành viên
Bà Lê Thị Thu Hà	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm:

Ông Bách Mông Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Vinh	Kế toán trưởng

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Phú Nam (AASCS) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Công ty.

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Tuân thủ các chuẩn mực kế toán áp dụng, không có những sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

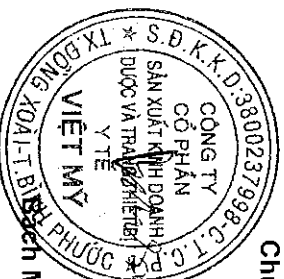
### PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ phê duyệt các Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Các Báo cáo tài chính hợp nhất này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Thay mặt Hội đồng quản trị

Chủ tịch



*[Handwritten signature]*  
Bích Mộng Hà



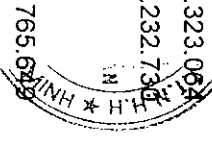
V/X  
LX  
CV



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Đơn vị tính: VND		
		Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.887.993.228</b>	<b>9.455.003.249</b>
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	1.503.535.227	2.181.523.772
111	1. Tiền		1.503.535.227	2.181.523.772
112	2. Các khoản tương đương tiền			
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn			
121	1. Đầu tư ngắn hạn			
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)			
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.529.774.607	4.982.321.443
131	1. Phải thu khách hàng		334.846.232	3.068.323.064
132	2. Trả trước cho người bán		4.194.928.375	1.913.232.734
133	3. Phải thu nội bộ ngắn hạn			
134	4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	04		765.649
135	5. Các khoản phải thu khác			
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)			
140	IV. Hàng tồn kho		2.095.996.728	1.999.663.847
141	1. Hàng tồn kho	05	2.095.996.728	1.999.663.847
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)			
150	V. Tài sản ngắn hạn khác	06	758.686.666	291.494.187
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		226.616.485	67.337.685
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		430.863.330	177.693.595
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		101.206.851	46.462.907
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>16.332.930.693</b>	<b>17.588.083.001</b>
210	I. Các khoản phải thu dài hạn			
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng			
212	2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc			
213	3. Phải thu dài hạn nội bộ			
218	4. Phải thu dài hạn khác			
219	5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)			





## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Đơn vị tính: VND	
		Thuyết minh	
		31/12/2014	01/01/2014
220	II. Tài sản cố định		
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13.454.601.975	16.831.298.998
222	- Nguyên giá	6.476.595.157	2.798.948.052
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	10.173.918.646	6.052.066.506
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		
225	- Nguyên giá		
226	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(3.697.323.489)	(3.253.118.454)
227	3. Tài sản cố định vô hình	08	08
228	- Nguyên giá	4.614.523.496	8.892.914.988
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	9.707.830.000	13.530.830.000
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	(5.093.306.504)	(4.637.915.012)
		09	09
		2.363.483.322	5.139.435.958
240	III. Bất động sản đầu tư		
241	- Nguyên giá		
242	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		
251	1. Đầu tư vào công ty con	10	10
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		
258	3. Đầu tư dài hạn khác		
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	10	10
		2.510.208.355	2.510.208.355
260	V. Lợi thế thương mại		
270	VI. Tài sản dài hạn khác		
271	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	11
272	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		
278	3. Tài sản dài hạn khác	12	12
		368.120.363	756.784.003
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		
		<u>25.220.923.921</u>	<u>27.043.086.250</u>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mã số	NGUỒN VỐN	Đơn vị tính: VND		
		Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.420.419.670</b>	<b>6.038.550.759</b>
310	I. Nợ ngắn hạn		2.058.885.450	4.525.416.539
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	13	930.183.461	500.000.000
312	2. Phải trả người bán		587.100.180	117.026.800
313	3. Người mua trả tiền trước		164.430.320	8.218.935
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14		
315	5. Phải trả người lao động		163.639.105	42.128.441
316	6. Chi phí phải trả	15	172.282.384	96.792.363
317	7. Phải trả nội bộ			
318	8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng			
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	16	41.250.000	3.761.250.000
320	10. Dự phòng phải trả ngắn hạn			
323	11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi			
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>11.361.534.220</b>	<b>1.513.134.220</b>
331	1. Phải trả dài hạn người bán			
332	2. Phải trả dài hạn nội bộ			
333	3. Phải trả dài hạn khác	17	11.361.534.220	1.513.134.220
334	4. Vay và nợ dài hạn			
335	5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
336	6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm			
337	7. Dự phòng phải trả dài hạn			
338	8. Doanh thu chưa thực hiện			
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>11.800.504.251</b>	<b>21.004.535.491</b>
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	11.800.504.251	21.004.535.491
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		21.157.500.000	21.157.500.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần			
413	3. Vốn khác của chủ sở hữu			
414	4. Cổ phiếu quỹ (*)			
415	5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản			
416	6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái			
417	7. Quỹ đầu tư phát triển		1.562.792.834	1.562.792.834
418	8. Quỹ dự phòng tài chính			
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu			
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(10.919.788.583)	(1.715.757.343)
421	11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản			
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>			
432	1. Nguồn kinh phí			
433	2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
<b>500</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>			
<b>510</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>25.220.923.921</b>	<b>27.043.086.250</b>

3050112/2014  
 CÔNG TY  
 DƯỢC VIỆT MỸ  
 ĐINH VŨ TỰ  
 CHỨC VỤ TÀI  
 CHÍNH KẾ  
 TOÁN VÀ KIỂM TOÁN  
 PHÍA NAM  
 TP. HỒ CHÍ MINH

3050112/2014  
 CÔNG TY  
 DƯỢC VIỆT MỸ  
 ĐINH VŨ TỰ  
 CHỨC VỤ TÀI  
 CHÍNH KẾ  
 TOÁN VÀ KIỂM TOÁN  
 PHÍA NAM  
 TP. HỒ CHÍ MINH

## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Chi tiêu	Thuyết minh	
		31/12/2014
		01/01/2014

1. Tài sản thuê ngoài
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược
4. Nợ khó đòi đã xử lý
5. Ngoại tệ các loại
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án

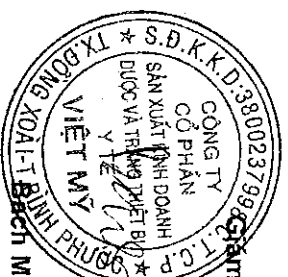
Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

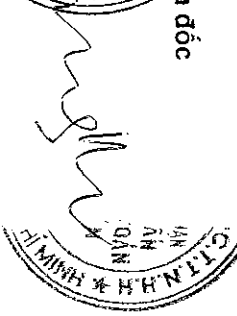
Đặng Thị Giang

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Vĩnh



Trần Mạnh Hà



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2014

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND
		Năm 2014	Năm 2013

01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	4.172.714.450	7.740.903.709
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20		
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	4.172.714.450	7.740.903.709
11	4. Giá vốn hàng bán	22	4.361.282.599	5.449.016.139
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		(188.568.149)	2.291.887.570
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	4.792.636	6.697.197
22	7. Chi phí tài chính	24	4.488.801.954	322.891.911
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		302.557.523	307.467.642
24	8. Chi phí bán hàng		212.638.011	219.321.875
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		2.707.408.980	1.633.958.486
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.592.624.458)	122.412.495
31	11. Thu nhập khác	25	2.916.406.167	1.347.000.000
32	12. Chi phí khác	26	4.438.021.304	1.324.696.474
40	13. Lợi nhuận khác		(1.521.615.137)	22.303.526
45	14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh		(89.791.645)	
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		(9.204.031.240)	144.716.021
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27		
52	17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		(9.204.031.240)	144.716.021
61	18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			
62	18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ		(9.204.031.240)	144.716.021
70	19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	28	(4.350)	68

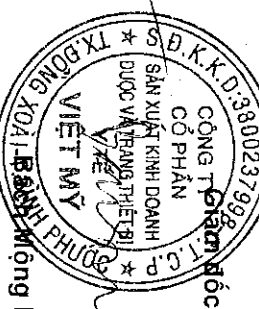
Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Đặng Thị Giang

Nguyễn Văn Vinh



Nguyễn Hồng Hà

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm 2014	Năm 2013
01	<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>(9.204.031.240)</b>	<b>144.716.021</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>			
02	1. Khấu hao tài sản cố định		1.110.499.584	1.146.516.807
03	2. Các khoản dự phòng			
04	3. Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		2.671.552.907	353.176.952
05	4. Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		302.557.523	307.492.017
06	5. Chi phí lãi vay			309.017.296
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>(5.119.421.226)</b>	<b>1.957.874.083</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		144.633.157	(3.541.1108.122) VẤN
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(96.332.881)	758.888.000
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.975.898.873)	3.590.711.810
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(495.953.160)	243.632.481
13	- Tiền lãi vay đã trả		(299.073.335)	(303.565.279)
14	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp			(121.035.303)
15	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		725.338.000	686.202.861
16	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(220.828.553)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(8.116.708.318)</b>	<b>3.044.223.798</b>
	<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(4.384.891.197)	(3.019.189.857)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		2.641.809.524	929.664.300
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác			
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.600.000.000)	
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		498.425.349	
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		4.792.636	
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia			6.697.197
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(2.839.863.688)</b>	<b>(2.082.828.360)</b>
	<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu			
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành			
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		13.558.176.076	4.913.134.220
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.279.592.615)	(4.400.000.000)
35	5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính			(1.077.432.848)
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu			
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>10.278.583.461</b>	<b>(564.298.628)</b>

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)  
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	
		Năm 2014	Năm 2013
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	(677.988.545)	397.096.810
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	2.181.523.772	1.784.426.962
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03 1.503.535.227	2.181.523.772

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Người lập biểu

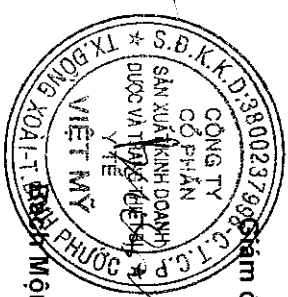


Đặng Thị Giang

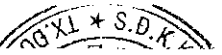
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Vĩnh



  
Nguyễn Văn Vĩnh



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

#### 1.1 Thông tin doanh nghiệp

Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ là doanh nghiệp được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 44.03.000012 ngày 26 tháng 8 năm 2002 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp. Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười hai ngày 16 tháng 10 năm 2012, Công ty có vốn điều lệ là 21.157.500.000 đồng (Hai mươi một tỷ một trăm năm mươi bảy triệu năm trăm ngàn đồng).

Trụ sở chính của Công ty tại ấp 2, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

#### 1.2 Lĩnh vực kinh doanh : Thương mại, sản xuất.

#### 1.3 Ngành nghề kinh doanh

- Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Kinh doanh dược phẩm, mua bán trang thiết bị y tế, dụng cụ và hoá chất xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng. Chi tiết: Sản xuất dụng cụ xét nghiệm y tế.
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu. Chi tiết: Sản xuất, kinh doanh vacxin, sinh phẩm y tế.
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh địa ốc.
- Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh.
- Đại lý, môi giới, đầu giá. Chi tiết: Đại lý gửi hàng hoá.
- Sản xuất sản phẩm từ plastic.
- Hoạt động công ty nắm giữ tài sản. Chi tiết: Đầu tư tài chính.
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Chuyển giao công nghệ.

#### 1.4 Công ty liên kết được hợp nhất vào báo cáo tài chính:

Công ty liên kết	
Tên công ty	Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn
Địa chỉ	A30 - A31 đường D1, P. Linh Tây, Q. Thủ Đức, TP.HCM
Vốn điều lệ	8.600.000.000 VND
Tỷ lệ góp vốn	30,23%

### 2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 Báo cáo tài chính hợp nhất

Công ty con

Công ty con là các công ty chịu sự kiểm soát bởi Công ty trên phương diện tài chính cũng như chính sách hoạt động, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con. Các công ty con được hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát được chuyển cho Công ty và được loại trừ khỏi việc hợp nhất khi quyền kiểm soát chấm dứt.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là các công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Phần sở hữu của Công ty đối với các khoản tài hoặc lỗ của công ty liên kết sau khi đầu tư được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

# BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

## Công ty liên doanh

Liên doanh là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hay nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế, mà hoạt động này được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn liên doanh. Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

## 2.2 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## 2.3 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

### Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tin được trình bày trung thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

### Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: kế toán trên máy vi tính

### Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Theo thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bình quân của các ngân hàng thương mại mà doanh nghiệp mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ, sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ. Doanh nghiệp không được chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức trên lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

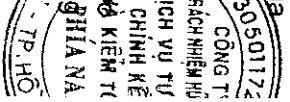
Các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyên đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



30  
CỔ  
CÓ  
CỨ  
VÀ  
1/1  
1/1  
04



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ):**

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	05 - 10 năm
- Thiết bị công cụ quản lý	05 năm

### **Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình nắm giữ chờ tăng giá, hoặc cho thuê hoạt động, bất động sản đầu tư được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Bất động sản đầu tư được tính, trích khấu hao như TSCĐ khác của Công ty.

### **Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá mua ban đầu trừ các khoản dự phòng thích hợp.

### **Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

### **Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước**

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần từng quý vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### *Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả*

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

### *Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu*

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn được bổ sung từ kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của chính sách tài chính, quyết định của chủ sở hữu vốn và của Hội đồng Quản trị.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này và không bổ sung vốn kinh doanh từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Đại hội cổ đông thông qua sẽ được trích lập các quỹ theo điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*

#### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối Kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính*

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

### *Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại*

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

501172  
TP. HỒ CHÍ MINH  
SỞ TÀI CHÍNH  
KẾ TÍNH KẾ  
4 VU TƯ  
CH NHIỆM VỤ  
KIỂM TRA  
TRƯỞNG  
KIỂM TRA  
TRƯỞNG  
TP. HỒ CHÍ MINH  
SỞ TÀI CHÍNH  
KẾ TÍNH KẾ  
4 VU TƯ  
CH NHIỆM VỤ  
KIỂM TRA  
TRƯỞNG  
KIỂM TRA  
TRƯỞNG

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

	Đơn vị tính: VND	
<b>3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN</b>		
- Tiền mặt	31/12/2014	01/01/2014
	1.181.867.349	2.027.375.052
- Tiền gửi ngân hàng	321.667.878	154.148.720
<b>Cộng</b>	<b>1.503.535.227</b>	<b>2.181.523.772</b>
<b>4. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGÂN HÀNG KHÁC</b>		
- Phải thu khác	31/12/2014	01/01/2014
+ Thuế GTGT của TSCD thuế tại chính		765.649
+ Khác		765.649
<b>Cộng</b>		<b>765.649</b>
<b>5. HÀNG TỒN KHO</b>		
- Nguyên liệu, vật liệu	31/12/2014	01/01/2014
	1.593.919.564	1.180.293.065
- Công cụ, dụng cụ		300.546.861
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	152.472.088	457.804.605
- Thành phẩm	275.907.912	61.019.378
- Hàng hóa	73.697.164	
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>2.095.996.728</b>	<b>1.999.663.847</b>
<b>6. TÀI SẢN NGÂN HÀNG KHÁC</b>		
<b>Chi phí trả trước ngắn hạn</b>	31/12/2014	01/01/2014
- Công cụ, dụng cụ	226.616.485	67.337.685
- Phí giám sát môi trường	190.073.289	57.261.495
- Phí sửa chữa văn phòng	1.727.259	8.636.355
- Phí bảo hộ lao động	5.646.670	1.439.835
- Phí công tác nước ngoài	10.637.497	
- Phí in ấn	12.383.435	
	6.148.335	
<b>Thuế GTGT được khấu trừ</b>	<b>430.863.330</b>	<b>177.693.595</b>
<b>Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước</b>		
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>101.206.851</b>	<b>46.462.907</b>
- Tam ứng	101.206.851	46.462.907
- Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
<b>Cộng</b>	<b>758.686.666</b>	<b>291.494.187</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị quản lý	Đơn vị tính: VND Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>1.582.533.062</b>	<b>3.659.525.297</b>	<b>810.008.147</b>		<b>6.052.066.506</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>		<b>3.801.342.106</b>	<b>583.549.091</b>		<b>4.384.891.197</b>
- Mua sắm mới		3.801.342.106	583.549.091		4.384.891.197
- Đầu tư XD/CB hoàn thành					
- Tặng khác					
<b>3. Số giảm trong năm</b>			<b>263.039.057</b>		<b>263.039.057</b>
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			263.039.057		263.039.057
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>1.582.533.062</b>	<b>7.460.867.403</b>	<b>1.130.518.181</b>		<b>10.173.918.646</b>
<b>II. Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
<b>1. Số dư đầu năm</b>	<b>1.107.773.078</b>	<b>1.820.054.669</b>	<b>325.290.707</b>		<b>3.253.118.454</b>
<b>2. Số tăng trong năm</b>	<b>158.253.300</b>	<b>416.929.164</b>	<b>79.925.627</b>		<b>655.108.092</b>
- Khấu hao trong năm	158.253.300	416.929.164	79.925.627		655.108.092
- Tặng khác					
<b>3. Số giảm trong năm</b>			<b>210.903.057</b>		<b>210.903.057</b>
- Chuyển sang công cụ, dụng cụ					
- Chuyển sang BĐS đầu tư					
- Thanh lý, nhượng bán			210.903.057		210.903.057
- Giảm khác					
<b>4. Số dư cuối năm</b>	<b>1.266.026.378</b>	<b>2.236.983.833</b>	<b>194.313.277</b>		<b>3.697.323.489</b>
<b>III. Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	474.759.984	1.839.470.628	484.717.440		2.798.948.052
Tại ngày cuối năm	316.506.684	5.223.883.570	936.204.904		6.476.595.157



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### 8. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

<i>Đơn vị tính: VND</i>					
Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm vi tính	TSCĐ vô hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu năm	4.423.000.000	9.107.830.000			13.530.830.000
Số tăng trong năm					
- Mua trong năm					
- Tạo ra từ nội bộ DN					
- Tăng do hợp nhất KD					
- Tăng khác					
Số giảm trong năm	3.823.000.000				3.823.000.000
- Thanh lý, nhượng bán	3.823.000.000				3.823.000.000
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	600.000.000	9.107.830.000			9.707.830.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu năm	84.000.000	4.553.915.012			4.637.915.012
Số tăng trong năm		455.391.492			455.391.492
- Khấu hao trong năm		455.391.492			455.391.492
- Tăng khác					
Số giảm trong năm					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối năm	84.000.000	5.009.306.504			5.093.306.504
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày đầu năm	4.339.000.000				8.892.914.988
Tại ngày cuối năm	516.000.000	4.098.523.496			4.614.523.496

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 09. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2014	01/01/2014
<b>Tổng số chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>2.363.483.322</b>	<b>5.139.435.958</b>
Trong đó:		
- Công trình văn phòng Bình Dương	16.363.636	
- Sửa chữa nhà xưởng Bình Phước	1.572.950.638	1.572.950.638
- Nhà máy bao bì	790.532.684	790.532.684
- Công trình nhà máy tại Khu công nghệ cao TP.HCM	2.759.589.000	
<b>Cộng</b>	<b>2.363.483.322</b>	<b>5.139.435.958</b>

### 10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

- Giá trị đầu tư vào công ty liên kết ghi nhận tại Công ty (*)	31/12/2014	01/01/2014
- Phần lỗ trong công ty liên kết thuộc về Công ty	2.600.000.000	
	(89.791.645)	
<b>Cộng</b>	<b>2.510.208.355</b>	

(\*) Thông tin về công ty liên kết như sau:

	31/12/2014	01/01/2014
<b>Công ty liên kết</b>		
Công ty Cổ phần TM Việt Mỹ Sài Gòn	30,23%	2.600.000.000
<b>Cộng</b>		<b>2.600.000.000</b>

### 11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

- Công cụ dụng cụ	31/12/2014	01/01/2014
- Tôn mạ màu	50.159.806	6.300.000
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc...	13.970.007	25.146.003
- Phí cam kết bảo vệ môi trường	150.833.328	
- Phí đánh giá môi trường	24.545.457	
- Phí đánh giá GMP - ISO	128.611.765	
<b>Cộng</b>	<b>368.120.363</b>	<b>31.446.003</b>

### 12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

- Kỳ quỹ, kỳ cược dài hạn	31/12/2014	01/01/2014
		725.338.000
<b>Cộng</b>		<b>725.338.000</b>

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 13. VAY VÀ NỢ NGÂN HÀNG

Vay ngắn hạn	31/12/2014	01/01/2014
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (*)	930.183.461	500.000.000
<b>Cộng</b>	<b>930.183.461</b>	<b>500.000.000</b>

(\*) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2013/67412 ngày 28/06/2013.

- Hạn mức: 2.000.000.000 đồng
- Lãi suất: Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Tại ngày 31/12/2014 là 7%/năm.
- Mục đích vay: Vay bổ sung vốn lưu động.
- Thời hạn vay: 6 tháng.
- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

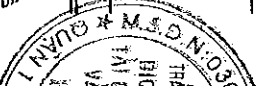
### 14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	01/01/2014
- Thuế giá trị gia tăng		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		
- Thuế khác		
<b>Cộng</b>		

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

### 15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	01/01/2014
- Trích trước chi phí lãi vay	7.386.551	3.902.363
- Trích trước phí kiểm toán	80.000.000	65.000.000
- Trích trước lương nghỉ phép năm	84.895.833	27.890.000
<b>Cộng</b>	<b>172.282.384</b>	<b>96.792.363</b>





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGÂN HẠN KHÁC	31/12/2014	01/01/2014
- Kinh phí công đoàn		
- Bảo hiểm xã hội		
- Bảo hiểm y tế		
- Bảo hiểm thất nghiệp		
- Nhân ký quỹ, ký cược ngắn hạn	41.250.000	41.250.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác		3.720.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của bà Hoàng Oanh		1.320.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Nguyễn Tuấn Huyền		1.000.000.000
+ Phải trả tiền giữ hộ của ông Bùi Khắc Hào		1.400.000.000
<b>Cộng</b>	<b>41.250.000</b>	<b>3.761.250.000</b>

17. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN	31/12/2014	01/01/2014
Vay dài hạn		
- Ngân hàng Đầu tư và Phát triển VN (*)	11.361.534.220	1.513.134.220
- Công ty CP Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn (**)	3.861.534.220	1.513.134.220
	7.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>11.361.534.220</b>	<b>1.513.134.220</b>

(\*) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/67412/HD ngày 28/06/2013.

- Số tiền vay: 4.500.000.000 đồng

- Lãi suất: Lãi suất thỏa thuận theo từng lần vay. Tại ngày 31/12/2014 là 11,5%/năm.

- Mục đích vay: Đầu tư nâng cấp nhà máy sản xuất sinh phẩm chuẩn đoán y tế đạt tiêu chuẩn WHO GMP và trang bị máy móc thiết bị sản xuất cho Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ.

- Thời hạn vay: 48 tháng.

- Tài sản đảm bảo: Tài sản của bên thứ 3 là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

(\*\*) Đây là số dư nợ vay theo Hợp đồng hợp tác số 0103/HĐHT-2014 ngày 10/03/2014.

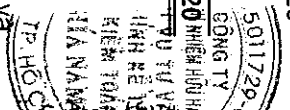
- Số tiền vay: 7.500.000.000 đồng

- Lãi suất: 0%/tháng

- Mục đích vay: Xây dựng nhà máy và trang bị máy móc theo tiêu chuẩn GMP - WHO. Mua trang thiết bị sản xuất. Làm hồ sơ thủ tục xin giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn GMP - WHO.

- Thời hạn vay: 36 tháng.

- Tài sản đảm bảo: không có tài sản đảm bảo.



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

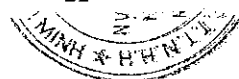
Năm 2014

### 18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

#### a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>21.157.500.000</b>				<b>(1.860.473.364)</b>	<b>1.562.792.834</b>	
Tăng vốn trong năm trước							
Lãi trong năm trước					144.716.021		
Tăng khác							
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Lỗ trong năm trước							
Chia cổ tức							
Giảm khác							
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>21.157.500.000</b>				<b>(1.715.757.343)</b>	<b>1.562.792.834</b>	
Tăng vốn trong năm							
Lợi nhuận trong năm							
Tăng khác							
Lỗ trong năm					(9.204.031.240)		
Chia cổ tức							
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận							
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát							
Giảm khác							
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>21.157.500.000</b>				<b>(10.919.788.583)</b>	<b>1.562.792.834</b>	



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

18. b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu		
	31/12/2014	01/01/2014
Vốn góp của các cổ đông	21.157.500.000	21.157.500.000
<b>Cộng</b>	<b>21.157.500.000</b>	<b>21.157.500.000</b>

18. c) Các quỹ của doanh nghiệp		
	31/12/2014	01/01/2014
- Quỹ đầu tư phát triển	1.562.792.834	1.562.792.834
- Quỹ dự phòng tài chính		
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		
<b>Cộng</b>	<b>1.562.792.834</b>	<b>1.562.792.834</b>

18. d) Cổ phiếu		
	31/12/2014	01/01/2014
Số lượng cổ phiếu đang ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu phổ thông	2.115.750	2.115.750
- Cổ phiếu ưu đãi		
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/ cổ phiếu		



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 19. TÒNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu bán hàng	Năm 2014	Năm 2013
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	4.172.714.450	7.740.903.709
<b>Cộng</b>	<b>4.172.714.450</b>	<b>7.740.903.709</b>

### 20. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

- Chiết khấu thương mại	Năm 2014	Năm 2013
- Giảm giá hàng bán		
- Hàng bán bị trả lại		
<b>Cộng</b>		

### 21. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

- Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hóa	Năm 2014	Năm 2013
- Doanh thu thuần dịch vụ	4.172.714.450	7.740.903.709
<b>Cộng</b>	<b>4.172.714.450</b>	<b>7.740.903.709</b>

### 22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

- Giá vốn của hàng hóa đã bán	Năm 2014	Năm 2013
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	2.537.033.224	5.449.016.139
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.824.249.375	
- Các khoản chi phí vượt mức bình thường		
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
<b>Cộng</b>	<b>4.361.282.599</b>	<b>5.449.016.139</b>

### 23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	Năm 2014	Năm 2013
- Cổ tức lợi nhuận được chia	4.792.636	6.697.197
- Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện		
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		
<b>Cộng</b>	<b>4.792.636</b>	<b>6.697.197</b>

### 24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

- Chi phí lãi vay	Năm 2014	Năm 2013
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	302.557.523	307.467.642
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	4.186.244.431	15.424.269
- Chi phí tài chính khác		
<b>Cộng</b>	<b>4.488.801.954</b>	<b>322.891.911</b>



## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### 30. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 30.1 Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Góp vốn	2.600.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	7.500.000.000
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Cho mượn tiền	51.599.613
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT	Hoàn tiền đặt cọc	400.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Kiểm Giám đốc	thuê xe	
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	18.000.000
- Bà Hoàng Canh	Kiểm Giám đốc		
- Bà Hoàng Canh	Thành viên HĐQT	Tạm ứng	18.000.000
- Ông Bách Mộng Hà	Chủ tịch HĐQT	Lương và thưởng	228.000.000
- Bà Hoàng Canh	Kiểm Giám đốc		
- Bà Hoàng Canh	Thành viên HĐQT	Lương và thưởng	116.359.860

Tại ngày 31/12/2014, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị Khoản phải trả
- Công ty Cổ phần Thương mại Việt Mỹ Sài Gòn	Công ty liên kết	Vay dài hạn	7.500.000.000

#### 30.2. Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31/12/2014, tài sản để đảm bảo cho các khoản vay dài hạn và ngắn hạn của Công ty tại Ngân hàng Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Xem thuyết minh 13 và 17) là các tài sản của cá nhân ông Bách Mộng Hà. Tài sản thế chấp này là Quyền sử dụng đất và Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo giấy chứng nhận số BD173195 tại 449 Võ Văn Tần, phường 5, Quận 3, TP.HCM.

#### 30.3. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

#### Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ phải thu thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đơn đốc thu hồi nợ. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Nhóm Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

### Tiền gửi ngân hàng

Đơn vị tính: VND

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín tại Việt Nam. Nhóm Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

### 30.4. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Nhóm Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền (thủ quỹ, tiền mặt và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh Dược & Trang thiết bị Y tế Việt Mỹ cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng nhưng biến động về lượng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến dựa theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm	Đơn vị tính: VND Tổng cộng
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Phải trả người bán	587.100.180		587.100.180
Vay và nợ	930.183.461	11.361.534.220	12.291.717.681
Phải trả người lao động	163.639.105		163.639.105
Chi phí phải trả	172.282.384		172.282.384
Các khoản phải trả, phải nộp khác	41.250.000		41.250.000
<b>Cộng</b>	<b>1.894.455.130</b>	<b>11.361.534.220</b>	<b>13.255.989.350</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

### 30.5. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: Rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác

#### Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

### Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Nhóm Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

### Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

### 30.6. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm 2014, Công ty chỉ phát sinh doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh duy nhất là được phẩm và chi hoạt động duy nhất trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không có báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh nào khác ngoài lĩnh vực kinh doanh được phẩm và không có báo cáo bộ phận theo khu vực vực địa lý nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam.

### 30.7. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Dịch Vụ Tư Vấn Tài Chính Kế Toán và Kiểm Toán Phía Nam (AASCS) kiểm toán.

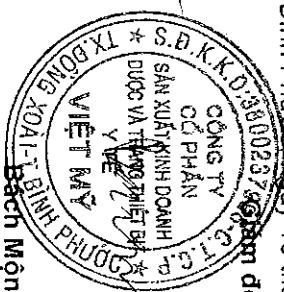
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Bình Phước, ngày 10 tháng 01 năm 2015

Đặng Thị Giang

Nguyễn Văn Vinh



Bách Mộng Hà